

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2. Ông Phan Văn Ký

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Phùng Thiện V, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Lê B, sinh năm 1980; nơi ĐKTT: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 64 Dương Văn N, Vĩnh H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Phùng Thiện V (chị V) trình bày: Chị và chồng Võ Lê B tự nguyện

tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 07/4/2008. Sau khi kết hôn, chị và anh B bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng vì các con nên chị cố gắng chịu đựng. Đến năm 2019, anh B sinh tật đánh bạc nợ nần nhiều lần, chị can ngăn nhưng không được, vợ chồng cãi vã ảnh hưởng tới tâm lý và việc học của 02 con. Vào tháng 02/2021, anh B bỏ nhà đi đến nay chưa về, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, hỏi han, chăm sóc nhau. Hiện nay chị cũng không biết anh B sống ở đâu, làm việc gì. Chị xác định không còn tình cảm với anh B, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh B nên xin được ly hôn anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Xuân H – sinh ngày 16/02/2008 và Võ Nhật T – sinh ngày 12/12/2012. Từ khi anh B bỏ nhà đi đến nay, các con sống cùng chị, do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/01/2022, bị đơn anh Võ Lê B (anh B) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh Đồng ý ly hôn chị V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Xuân H – sinh ngày 16/02/2008 và Võ Nhật T – sinh ngày 12/12/2012. Ly hôn, theo yêu cầu của các con muốn sống cùng ai thì tòa giao con cho người đó nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị V và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị V; giao con Võ Ngọc Xuân H và Võ Nhật T cho chị V nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị HĐXX không xem xét về tài sản chung và nợ chung do đương sự không có yêu cầu. Chị V phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh B có hộ

khẩu thường trú tại Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chị V và bị đơn anh B đều có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị V, anh B có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 07/4/2008 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Theo chị V trình bày, cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2019, anh B đánh bạc nợ nần, mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng. Vào tháng 02/2021 đến nay, anh B bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân. Chị V xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn anh B. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/01/2022, anh B đồng ý ly hôn chị V. Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2021, chính quyền địa phương xác nhận từ đầu năm 2021, anh B đã bỏ địa phương đi đến nay chưa về. Do đó, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị V, anh B không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, cho chị V được ly hôn anh B.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Xuân H – sinh ngày 16/02/2008 và Võ Nhật T – sinh ngày 12/12/2012. Chị V yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/01/2022, anh B yêu cầu Tòa án giao con cho chị V hoặc anh B nuôi dưỡng căn cứ vào nguyện vọng của các con muốn sống cùng ai. Hội đồng xét xử xét thấy tại các bản tự khai đề ngày 24/9/202 (BL 22, 23), cháu H và cháu T đều có nguyện vọng muốn sống cùng chị V. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu H và cháu T cho chị V nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phan Phùng Thiện V được ly hôn anh Võ Lê B.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Ngọc Xuân H – sinh ngày 16/02/2008 và Võ Nhật T – sinh ngày 12/12/2012. Giao cháu Võ Ngọc Xuân H và Võ Nhật T cho chị Phan Phùng Thiện V nuôi dưỡng. Anh Võ Lê B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Lê B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn chị Phan Phùng Thiện V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005299 ngày 03 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Lộc (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên